



CTY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI CỬ CHI

Số: 83/2016/CBTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP.HCM, ngày 19 tháng 03 năm 2016

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
- Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM.

Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – THƯƠNG MẠI CỬ CHI.**

Mã chứng khoán: **CCI**

Địa chỉ trụ sở: **Áp Bàu Tre 2, Xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, TP.HCM.**

Điện thoại: **08. 38920587** Fax: **08.38921008.**

Người thực hiện công bố thông tin: **Lê Văn Tư – TP. Tổ Chức – Hành Chánh**

Địa chỉ: **Áp Bàu Tre 2, Xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, TP.HCM.**

Điện thoại: **08. 38920587** Fax: **08.38921008.**

Loại thông tin công bố:

định kỳ Bất thường (24h) Bất thường (72h) Yêu cầu

Nội dung công bố thông tin:

Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Phát Triển Công Nghiệp – Thương Mại Cử Chi (Công ty Cidico) xin công bố thông tin:

1/. **Báo cáo kiểm toán độc lập về báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015** (đính kèm file PDF).

2/. **Thông báo báo cáo kiểm toán năm 2015 của Công ty** (đính kèm file PDF).

3/. **Công văn giải trình biến động về LNST năm 2015** (đính kèm file PDF).

Thông tin cụ thể được nêu tại tài liệu gửi/đính kèm.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Lê Văn Tư



Phan Văn Cởi

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)
Công ty Thành viên của Reanda International
Địa chỉ đăng ký: 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, HCM.
Trụ sở văn phòng tại Tp.HCM: 156 – 158 Phó Quang, phường 9, Phú Nhuận.
Tel: +84 (8) 3 999 00 91~97 | Fax: + 84 (8) 3999 00 90
Email: info@vietvalues.com | Website: www.vietvalues.com



Mang tri thức phục vụ khách hàng

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP
THƯƠNG MẠI CỬ CHI**



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt
(**VIETVALUES**)
Công ty Thành viên của Reanda International

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng quản trị	02 - 05
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	06 - 07
3. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	08 - 09
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	11
6. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	12 - 45



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp Thương mại Củ Chi (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp Thương mại Củ Chi và Công ty con là Công ty TNHH MTV Cidicons (sau đây gọi là Tập đoàn) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

1. Khái quát chung về công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp Thương mại Củ Chi là Công ty Cổ phần, được chuyển từ doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Thương mại Củ Chi theo Quyết định số 2302/QĐ-UB ngày 31 tháng 05 năm 2002 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp Thương mại Củ Chi được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103001163 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 08 năm 2002 và đã trải qua các lần thay đổi sau:

- Đăng ký thay đổi lần thứ nhất do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 06 năm 2003 về việc bổ sung ngành, nghề kinh doanh;
- Đăng ký thay đổi lần thứ hai do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16 tháng 03 năm 2006 về việc tăng vốn điều lệ;
- Đăng ký thay đổi lần thứ ba do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07 tháng 08 năm 2007 về việc tăng vốn điều lệ;
- Đăng ký thay đổi lần thứ tư do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17 tháng 10 năm 2008 về việc bổ sung ngành, nghề kinh doanh;
- Đăng ký thay đổi lần thứ năm do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 10 năm 2009 về việc bổ sung ngành, nghề kinh doanh;
- Đăng ký thay đổi lần thứ sáu do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 4 tháng 11 năm 2010 về việc bổ sung ngành, nghề kinh doanh;
- Đăng ký thay đổi lần thứ bảy do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 4 tháng 7 năm 2011 về việc bổ sung ngành, nghề kinh doanh.
- Đăng ký thay đổi lần thứ tám do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 9 năm 2012 về việc thay đổi vốn điều lệ.

Hiện nay Công ty đang niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

Mã chứng khoán : CCI.

Vốn điều lệ : 133.986.200.000 đồng.

2. Trụ sở chính hoạt động

Địa chỉ : ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại : +84 (08) 3892 0504 – 3892 1737

Fax : +84 (08) 3892 1008

3. Cấu trúc của tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 01 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

121
ÔN
INH
FOÁ
IUÍ
-7

4. Ngành nghề kinh doanh

- Thu mua, chế biến, kinh doanh xuất nhập khẩu các mặt hàng nông sản, thực phẩm, công nghệ phẩm, kim khí điện máy, vật tư nguyên nhiên liệu, khí hóa lỏng (đối với xăng dầu, gaz, chi hoạt động khí được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật), vật liệu xây dựng;
- Mua bán thủy hải sản, hàng tiêu thụ công nghiệp, hàng may mặc, nông sản, thực phẩm, công nghệ phẩm, kim khí điện máy, hàng trang trí nội thất và hàng tiêu dùng cao cấp, thiết bị, vật tư, nguyên liệu các loại, vật liệu xây dựng;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh công trình cơ sở hạ tầng khu công nghiệp;
- Kinh doanh giết mổ heo, trâu, bò (không giết mổ trong khu dân cư tập trung tại thành phố Hồ Chí Minh);
- Kinh doanh địa ốc: xây dựng nhà xưởng, kho, nhà bán và cho thuê, chuyển nhượng bất động sản;
- Kinh doanh nhà hàng trong khu công nghiệp;
- Dịch vụ lao động;
- Mua bán xương súc vật;
- Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng;
- Xây dựng công trình cầu đường;
- San lấp mặt bằng;
- Kinh doanh khách sạn (không kinh doanh tại trụ sở);
- Quảng cáo thương mại;
- Dịch vụ lễ tân;
- Mua bán phế liệu (không mua bán tại trụ sở), nước sinh hoạt, văn phòng phẩm;
- Dịch vụ vệ sinh công nghiệp;
- Dịch vụ trồng và chăm sóc cây xanh;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Bán buôn đồ uống có cồn, không cồn (không kinh doanh dịch vụ ăn uống).

5. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Điều hành

5.1. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Ông Phan Văn Tới	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Tâm	Phó Chủ tịch
Ông Đặng Ngọc Thành	Ủy viên
Ông Đặng Duy Quân	Ủy viên
Ông Trần Việt Anh	Ủy viên

317
G
EM
NVI
IN
P. F

5.2. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Bà Nguyễn Thị Tiến	Trưởng ban
Ông Nguyễn Thanh Nhựt	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Loan	Ủy viên

5.3. Ban Điều hành

Ban Điều hành của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Phan Văn Tới	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Ngọc Thành	Phó Tổng Giám đốc
Bà Hồ Thị Phương	Kế toán trưởng

6. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình tài chính của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ trang 08 đến trang 45.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 03/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 4 năm 2015 thì Công ty sẽ phát hành thêm 6.597.930 cổ phiếu, giá phát hành dự kiến là 10.000 đồng/cổ phiếu. Theo Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng gửi Ủy ban chứng khoán Nhà nước số 03/BC-CTY ngày 28/01/2016 và Thông báo số 642/UBCK-QLCB ngày 03/02/2016 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, đến hết ngày 28/01/2016, các cổ đông hiện hữu đăng ký mua và đã nộp số tiền là 43.452.450.000 đồng (tương ứng với 4.345.245 cổ phiếu). Chênh lệch còn lại là 2.252.685 cổ phiếu không chào bán được theo phương án phát hành.

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Tập đoàn. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Tập đoàn.

9. Xác nhận của Hội đồng quản trị

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong từng năm tài chính và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;

- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Điều hành đảm bảo rằng, tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các Báo cáo tài chính hợp nhất; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của tập đoàn và các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Ban Điều hành Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, các thành viên Hội đồng quản trị cho rằng không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Không một thành viên nào của Hội đồng quản trị hoặc Ban Điều hành có bất cứ khoản lợi nào từ một hợp đồng được ký kết với các công ty hay các bên liên quan.

10. Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Chúng tôi, các thành viên của Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt các Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo. Các báo cáo này đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2016.

TM. Hội đồng quản trị



PHAN VĂN TỚI
Tổng Giám đốc kiêm Chủ tịch Hội đồng quản trị

Số: 2099/16/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP
THƯƠNG MẠI CỬ CHI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính hợp nhất kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được lập ngày 14 tháng 03 năm 2016 (từ trang 08 đến trang 45) của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp Thương mại Cù Chi và các Công ty còn là Công ty TNHH MTV Cidicons (sau đây gọi là Tập đoàn).

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chỉ phản ánh tình hình tài chính hoạt động kinh doanh của Tập đoàn không bao gồm kết quả hoạt động của duy tu và sửa chữa khu Công nghiệp. Hoạt động duy tu và sửa chữa khu Công nghiệp được trình bày trong một báo cáo tài chính riêng căn cứ theo quyết định số 43/2008/QĐ-BTC ngày 25 tháng 06 năm 2008 của Bộ Tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2016.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)



Nguyễn Thị Ngọc Nga – Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN số: 0351-2015-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Ths. Huỳnh Trúc Lâm - Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN số: 1523-2013-071-1

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu VIETVALUES.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
1	2	3	4	5
100	A- TÀI SẢN NGẮN HẠN		216.900.485.894	193.206.398.985
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	186.467.762.994	79.102.694.634
111	1. Tiền		2.812.390.501	1.903.113.041
112	2. Các khoản tương đương tiền		183.655.372.493	77.199.581.593
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		10.700.000.000	98.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2	10.700.000.000	98.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		15.062.347.256	10.418.315.429
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	3.472.738.032	3.826.372.254
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	2.679.737.491	4.375.803.108
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.5	9.226.715.489	2.465.081.150
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.6	(316.843.756)	(248.941.083)
140	IV. Hàng tồn kho		4.497.095.483	5.666.526.363
141	1. Hàng tồn kho	V.7	4.497.095.483	5.666.526.363
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		173.280.161	18.862.559
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.8	-	-
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		173.280.161	18.862.559
200	B- TÀI SẢN DÀI HẠN		386.719.609.439	399.405.785.629
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		1.368.589.130	1.512.221.348
216	1. Phải thu dài hạn khác	V.5	1.368.589.130	1.512.221.348
220	II. Tài sản cố định		30.114.756.461	33.049.444.630
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.9	25.714.729.767	28.530.462.531
222	- Nguyên giá		51.488.695.445	50.706.808.874
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(25.773.965.678)	(22.176.346.343)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.10	4.400.026.694	4.518.982.099
228	- Nguyên giá		5.121.518.692	5.121.518.692
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(721.491.998)	(602.536.593)
230	III. Bất động sản đầu tư	V.11	186.707.554.772	193.084.970.085
231	- Nguyên giá		261.225.586.312	257.767.065.442
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(74.518.031.540)	(64.682.095.357)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		10.430.931.644	13.721.003.054
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		-	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.12	10.430.931.644	13.721.003.054
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	V.2	157.861.225.044	157.834.800.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		18.026.425.044	18.000.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		139.834.800.000	139.834.800.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		236.552.388	203.346.512
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.8	212.553.435	203.346.512
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		23.998.953	-
269	3. Lợi thế thương mại		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		603.620.095.333	592.612.184.614

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp Thương mại Củ Chi

Địa chỉ: ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
1	2	3	4	5
300	C- NỢ PHẢI TRẢ		388.475.412.941	386.626.455.896
310	I. Nợ ngắn hạn		22.639.816.840	17.046.183.673
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.13	824.736.234	1.084.074.237
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.14	1.474.423.630	732.692.524
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.15	1.771.394.607	2.051.930.397
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.16	345.504.870	692.260.425
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.17	14.954.484.348	6.531.779.371
319	6. Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	V.18	1.560.829.184	2.905.722.041
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.19	912.179.000	1.960.000.000
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.20	796.264.967	1.087.724.678
330	II. Nợ dài hạn		365.835.596.101	369.580.272.223
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	V.17	362.646.997.552	365.066.777.574
337	2. Phải trả dài hạn khác	V.18	3.188.598.549	3.601.315.649
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.19	-	912.179.000
400	D- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		215.144.682.392	205.985.728.718
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.21	215.144.682.392	205.985.728.718
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		133.986.200.000	133.986.200.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		133.986.200.000	133.986.200.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		42.409.774.000	42.505.274.000
415	3. Cổ phiếu quỹ		(4.118.929.325)	(4.118.929.325)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		20.253.937.813	18.769.577.121
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		22.613.699.904	14.843.606.922
421a	- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước		24.685.668	14.843.606.922
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		22.589.014.236	-
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		-	-
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		603.620.095.333	592.612.184.614

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2016.

Người lập biểu



PHẠM TRÀ MỸ HẠNH

Kế toán trưởng



HỒ THỊ PHƯƠNG



Tổng Giám đốc

PHAN VĂN TỚI

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

ĐVT: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	372.330.767.348	507.015.050.505
03	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		372.330.767.348	507.015.050.505
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	332.164.978.551	475.749.318.135
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		40.165.788.797	31.265.732.370
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	10.680.816.801	9.213.962.054
22	7. Chi phí tài chính		138.618.381	365.947.271
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		138.618.381	365.947.271
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		1.739.376	-
25	9. Chi phí bán hàng	VI.4	13.659.943.921	12.374.521.134
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.5	7.136.785.721	8.516.797.553
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		29.912.996.951	19.222.428.466
31	12. Thu nhập khác	VI.6	254.695.636	201.162.356
32	13. Chi phí khác	VI.7	244.445.753	18.363.097
40	14. Lợi nhuận khác		10.249.883	182.799.259
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		29.923.246.834	19.405.227.725
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.8	7.068.252.900	4.334.847.887
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		(23.998.953)	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		22.878.992.887	15.070.379.838
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		22.878.992.887	15.070.379.838
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		-	-
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.9	1.454	956
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu		-	-

Người lập biểu



PHẠM TRÀ MỸ HẠNH

Kế toán trưởng



HỒ THỊ PHƯƠNG

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2016.



Tổng Giám đốc



PHAN VĂN TỚI

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

DVT: VNĐ

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		417.339.958.271	587.094.640.263
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(355.360.167.383)	(459.392.742.869)
03	3. Tiền trả cho người lao động		(11.586.505.971)	(10.237.660.603)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(138.618.381)	(365.947.271)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(7.049.888.881)	(4.199.977.563)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		2.985.344.987	3.087.912.557
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(13.732.470.385)	(12.728.177.884)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		32.457.652.257	103.258.046.630
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(1.458.992.825)	(7.149.114.890)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác		(118.747.477.951)	(1.416.675.418.407)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		206.052.600.351	1.318.675.418.407
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(18.000.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		10.705.094.377	9.118.338.812
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		96.551.223.952	(114.030.776.078)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(95.500.000)	-
33	3. Tiền từ đi vay		-	-
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(1.960.000.000)	(1.960.000.000)
35	5. Tiền trả nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(19.588.307.849)	(10.023.371.645)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(21.643.807.849)	(11.983.371.645)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)		107.365.068.360	(22.756.101.093)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		79.102.694.634	101.858.795.727
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	V.1	186.467.762.994	79.102.694.634

Người lập biểu

PHẠM TRÀ MỸ HẠNH

Kế toán trưởng

HỒ THỊ PHƯƠNG

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2016.



Tổng Giám đốc

PHAN VĂN TỚI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp Thương mại Củ Chi và Công ty con là Công ty TNHH MTV Cidicons (sau đây gọi là Tập đoàn) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại, dịch vụ, xây dựng.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Kinh doanh các mặt hàng xăng dầu, gaz, khí hóa lỏng;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh công trình cơ sở hạ tầng khu công nghiệp;
- Xây dựng nhà xưởng, kho, nhà bán và cho thuê;
- Dịch vụ vệ sinh công nghiệp;
- Dịch vụ trồng và chăm sóc cây xanh;
- Bán buôn đồ uống có cồn, không cồn (không kinh doanh dịch vụ ăn uống).

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

Đối với hoạt động cho thuê đất khu công nghiệp, Công ty nhận trước tiền thuê đất cho nhiều năm.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Ngày 13 tháng 4 năm 2015, Công ty được cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân phân phối xăng dầu theo Quyết định số 15/QĐ-BCT của Bộ trưởng Bộ Công thương, theo đó Công ty được mua xăng dầu từ nhiều thương nhân đầu mối. Giấy xác nhận có giá trị đến hết ngày 13 tháng 4 năm 2020.

6. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 01 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

6a. Công ty con được hợp nhất

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH MTV Cidicons có trụ sở chính tại đường D3, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, Tân An Hội, huyện Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là xây dựng, dịch vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại công ty con này là 100% (số đầu năm là 100%).

6b. Danh sách các Công ty liên kết được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tập đoàn chỉ đầu tư vào công ty liên kết là Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Hóc Môn có trụ sở chính tại 14/7A Nguyễn Thị Sóc, ấp Mỹ Hòa, xã Xuân Thới Đông, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là chế biến thực phẩm. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại công ty liên kết này là 20% (số đầu năm là 20%).

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Tập đoàn đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính và Thông tư số 202/2014/TT-BTC thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh trình bày tại thuyết minh số III.20 do vậy các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 so sánh được với số liệu tương ứng của kỳ trước.

8. Tình hình lao động

Số lượng công nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 94 người (số đầu năm là 94 người).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập báo cáo là Đồng Việt Nam (VNĐ).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư số 202/2014/TT-BTC thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Các Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán, các Thông tư nêu trên và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính này là của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp Thương mại Củ Chi không bao gồm báo cáo của hoạt động duy tu và sửa chữa khu Công nghiệp. Hoạt động duy tu và sửa chữa khu Công nghiệp được trình bày trong một báo cáo tài chính riêng căn cứ theo quyết định số 43/2008/QĐ-BTC ngày 25 tháng 06 năm 2008 của Bộ Tài chính.

2. Cơ sở hợp nhất

Hợp nhất với các Công ty con

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các Báo cáo tài chính của Công ty và Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Hợp nhất với các Công ty liên kết

Công ty liên kết là những Công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không có quyền kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty. Công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

4a. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

4b. Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và

lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu ngắn hạn có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ kinh doanh thông thường tại thời điểm lập báo cáo.

Các khoản phải thu dài hạn có kỳ hạn thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh thông thường tại thời điểm lập báo cáo.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Tập đoàn lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2009/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang và thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế trên 12 tháng hoặc vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường được trình bày là chi phí sản xuất, kinh doanh dài hạn và thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.
- Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước ngắn hạn là số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước.

Chi phí trả trước dài hạn là số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước.

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phân đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

8. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 41 năm
- Máy móc, thiết bị	07 - 08 năm
- Phương tiện vận tải	08 - 10 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
- Tài sản khác	05 - 10 năm

9. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất (20-50 năm), quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

10. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất và cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tập đoàn được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

- Quyền sử dụng đất 40 - 45 năm
- Nhà cửa, vật dụng kiến trúc 05 - 25 năm

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Nợ phải trả ngắn hạn là khoản nợ còn phải trả có thời hạn thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc dưới một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường tại thời điểm báo cáo.

Nợ phải trả dài hạn là khoản nợ còn phải trả có thời hạn thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường tại thời điểm báo cáo.

Việc phân loại các khoản phải trả là vay và nợ thuê tài chính, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Vay và nợ thuê tài chính phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính;
- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn;
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước;
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện phản ánh số tiền của khách hàng trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về việc cho thuê đất khu công nghiệp.

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn là khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà doanh nghiệp sẽ phải thực hiện trong vòng 12 tháng tiếp theo hoặc trong một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường tại thời điểm báo cáo.

Doanh thu chưa thực hiện dài hạn là khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà doanh nghiệp sẽ phải thực hiện sau 12 tháng hoặc sau một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường tiếp theo tại thời điểm báo cáo.

14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

▪ Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tập đoàn đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

▪ Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- **Doanh thu cho thuê đất khu công nghiệp**
Doanh thu cho thuê đất đã phát triển cơ sở hạ tầng được ghi nhận khi đất đã được chuyển giao cho bên đi thuê và thanh toán tiền theo tiến độ của Hợp đồng. Đồng thời, doanh thu được phân bổ theo thời gian thuê tương ứng.
- **Doanh thu xây dựng**
Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:
 - Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tập đoàn tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
 - Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.
 - Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:
 - Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
 - Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

16. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

Giá vốn của hoạt động cho thuê đất khu công nghiệp là chi phí khấu hao của quyền sử dụng đất và cơ sở hạ tầng và chi phí liên quan.

17. Nguyên tắc kế toán doanh thu và chi phí hoạt động tài chính

▪ **Doanh thu hoạt động tài chính**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

▪ **Chi phí hoạt động tài chính**

Chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí lãi vay.

Chi phí tài chính ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ, không có bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

18. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Tập đoàn.

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - + Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - + Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

22. Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới

Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp mới đến số liệu so sánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

	Số dư tại ngày 31/12/2014	Các điều chỉnh	Số dư tại ngày 01/01/2015
Tài sản			
Đầu tư ngắn hạn	98.000.000.000	(98.000.000.000)	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	98.000.000.000	98.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	3.203.087.498	(3.203.087.498)	-
Phải thu ngắn hạn khác	-	2.465.081.150	2.465.081.150
Phải thu dài hạn khác	-	1.512.221.348	1.512.221.348
Tài sản ngắn hạn khác	100.670.000	(100.670.000)	-
Tài sản dài hạn khác	673.545.000	(673.545.000)	-
	101.977.302.498	-	101.977.302.498
Nguồn vốn			
Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	3.477.866.758	(572.144.717)	2.905.722.041
Doanh thu chưa thực hiện	371.598.556.945	(371.598.556.945)	
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	6.531.779.371	6.531.779.371
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	-	365.066.777.574	365.066.777.574
Phải trả dài hạn khác	3.029.170.932	572.144.717	3.601.315.649
Quỹ đầu tư phát triển	9.738.831.944	9.030.745.177	18.769.577.121
Quỹ dự phòng tài chính	9.030.745.177	(9.030.745.177)	-
	396.875.171.756	-	396.875.171.756
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất			Số năm trước trình bày lại^(*)
	Số năm trước	Các điều chỉnh	
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.142	(186)	956

(*)Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về các cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VNĐ)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
- Tiền mặt	1.957.826.000	1.412.408.500
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	854.564.501	490.704.541
- Các khoản tương đương tiền(*)	183.655.372.493	77.199.581.593
	186.467.762.994	79.102.694.634

(*)Tại ngày 31/12/2015, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng tại các ngân hàng thương mại.

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là tiền gửi có kỳ hạn 07 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á.

	<u>Cuối năm</u>		<u>Đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
- Ngân hàng TMCP Việt Á	10.700.000.000	10.700.000.000	98.000.000.000	98.000.000.000
	10.700.000.000	10.700.000.000	98.000.000.000	98.000.000.000

2b. Đầu tư vào công ty liên kết

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
- Giá gốc	18.000.000.000	18.000.000.000
- Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	26.425.044	-
	18.026.425.044	18.000.000.000



CÔNG TY
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp Thương mại Củ Chi
Địa chỉ: ấp Bà Trè 3, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Cuối năm			Đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý ^(*)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý ^(*)
Cổ phiếu VAB ⁽ⁱ⁾	139.834.800.000	-	139.834.800.000	139.834.800.000	-	139.834.800.000
	139.834.800.000	-	139.834.800.000	139.834.800.000	-	139.834.800.000

(i) Đầu tư vào đơn vị khác là 8.890.322 cổ phiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á (VAB). Trong đó có 1.500.000 cổ phiếu được cầm cố cho khoản vay dài hạn tại Quỹ Đầu tư và Phát triển Đô thị thành phố Hồ Chí Minh (nay là Công ty Đầu tư Tài chính nhà nước thành phố Hồ Chí Minh – HFIC). Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này được tạm tính bằng giá mua do các khoản đầu tư này không xác định được giá trị hợp lý do không có giá giao dịch sau khi có xác nhận của 03 công ty chứng khoán (theo điểm 1.b, điều 5, phần II, Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc trích lập các khoản dự phòng, trường hợp không xác định được giá chứng khoán trên thị trường thì các doanh nghiệp không được trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Việc trích lập này sẽ được điều chỉnh (hoặc ảnh hưởng, nếu có) khi có cơ sở xác định giá chứng khoán thực tế trên thị trường theo quy định).

(*) Giá trị hợp lý được tạm tính bằng giá trị đầu tư, do không có giao dịch.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	3.472.738.032	3.826.372.254
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Dầu khí VHS	373.368.937	421.997.605
- Công ty TNHH Điện hơi Công nghiệp Tín Thành	340.713.406	-
- Công ty TNHH Shinh Việt Nam	275.992.222	745.300.125
- Khách hàng khác	2.482.663.467	2.659.074.524
	3.472.738.032	3.826.372.254

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho các khách hàng khác</i>	2.679.737.491	4.375.803.108
- Công ty Xăng dầu khu vực 2	2.163.864.491	3.994.756.238
- Khách hàng khác	515.873.000	381.046.870
	2.679.737.491	4.375.803.108

5. Phải thu khác

5.a. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Cuối năm</u>		<u>Đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu đối tượng khác</i>	9.226.715.489	-	2.465.081.150	-
Tam ứng cổ tức	6.597.930.000	-	-	-
Lãi ngân hàng dự thu	464.925.833	-	514.874.167	-
Phan Công Lèo ^(*)	562.664.000	-	562.664.000	-
Phải thu khác	1.601.195.656	-	1.387.542.983	-
	9.226.715.489	-	2.465.081.150	-

(*) Theo giấy đề nghị ngày 09 tháng 01 năm 2008 về việc xin sang nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp do ông Phan Văn Tới ký duyệt cho Phan Công Lèo đứng tên gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 780396 của Ủy Ban nhân dân huyện Củ Chi cấp ngày 4 tháng 7 năm 2005; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 950725 Ủy ban Nhân dân huyện Củ Chi cấp ngày 4 tháng 7 năm 2005 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 961331 Ủy ban Nhân dân huyện Củ Chi cấp ngày 06 tháng 11 năm 2008. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hết hạn sử dụng vào năm 2014 tuy nhiên đến nay vẫn chưa được gia hạn.

5.b. Phải thu dài hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	1.368.589.130	1.512.221.348
- Ban bồi thường giải phóng mặt bằng huyện Củ Chi	584.396.524	584.396.524
- Công ty Cổ phần Hưng Long	143.545.000	143.545.000
- Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn	227.000.000	-
- Phải thu khác	413.647.606	784.279.824
	1.368.589.130	1.512.221.348

6. Nợ xấu

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Quá hạn từ 06 tháng – 01 năm	-	-	-	-
Quá hạn từ 01 năm – 02 năm	-	-	48.560.605	24.280.303
Quá hạn từ 02 năm – 03 năm	-	-	145.407.900	43.622.370
Quá hạn trên 03 năm	316.843.756	-	122.875.251	-
- DNTN Xăng dầu Minh Hoa	145.407.900	-	-	-
- DNTN Xăng dầu Phúc Thịnh	95.436.351	-	95.436.351	-
- Phan Minh Tân	48.560.605	-	-	-
- DNTN Khánh Trân	27.438.900	-	27.438.900	-
	316.843.756	-	316.843.756	67.902.673

Giá trị có thể thu hồi được xác định bằng giá gốc trừ đi khoản trích lập dự phòng.

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	248.941.083	645.829.036
Trích lập trong năm	67.902.673	57.992.787
Hoàn nhập trong năm	-	(454.880.740)
Số dư cuối năm	316.843.756	248.941.083

Chi tiết dự phòng phải thu khó đòi theo đối tượng:

	Cuối năm	Đầu năm
DNTN Xăng dầu Minh Hoa	145.407.900	101.785.530
DNTN Xăng dầu Phúc Thịnh	95.436.351	95.436.351
Phan Minh Tân	48.560.605	24.280.302
DNTN Khánh Trân	27.438.900	27.438.900
	316.843.756	248.941.083

7. Hàng tồn kho

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	141.106.160	-	114.004.289	-
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	-	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.239.951.895	-	449.578.257	-
Thành phẩm	-	-	-	-
Hàng hóa	3.116.037.428	-	5.102.943.817	-
	4.497.095.483	-	5.666.526.363	-

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

Tình hình biến động chi phí trả trước ngắn hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	-
Phát sinh trong năm	695.310.388	-
Phân bổ trong năm	(695.310.388)	-
Số cuối năm	-	-

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
- Giá trị công cụ dụng cụ đang sử dụng	212.553.435	203.346.512
	212.553.435	203.346.512

Tình hình biến động chi phí trả trước dài hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	203.346.512	132.277.626
Phát sinh trong năm	234.821.734	141.530.000
Phân bổ trong năm	(225.614.811)	(70.461.114)
Số cuối năm	212.553.435	203.346.512

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp Thương mại Củ Chi
 Địa chỉ: ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
 Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	30.463.446.019	7.525.475.202	7.833.395.132	4.009.575.228	874.917.293	50.706.808.874
Tăng trong năm	79.995.801	735.550.000	-	-	-	815.545.801
- Mua trong năm	79.995.801	735.550.000	-	-	-	815.545.801
Giảm trong năm	-	-	-	(33.659.230)	-	(33.659.230)
Số cuối năm	30.543.441.820	8.261.025.202	7.833.395.132	3.975.915.998	874.917.293	51.488.695.445
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	9.915.487.692	4.458.968.308	5.458.427.026	2.002.672.256	340.791.061	22.176.346.343
Tăng trong năm	1.446.177.580	917.832.324	755.635.692	422.481.566	88.858.524	3.630.985.686
- Khấu hao trong năm	1.446.177.580	917.832.324	755.635.692	422.481.566	88.858.524	3.630.985.686
Giảm trong năm	-	-	-	(33.659.230)	-	(33.659.230)
Số cuối năm	11.361.665.272	5.376.800.632	6.214.062.718	2.391.494.587	429.942.469	25.773.965.678
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	20.547.958.327	3.066.506.894	2.374.968.106	2.006.902.972	534.126.232	28.530.462.531
Tại ngày cuối năm	19.181.776.548	2.884.224.570	1.619.332.414	1.584.421.411	444.974.824	25.714.729.767

Trong đó: - Nguyên giá tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 3.236.041.959 đồng.

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất ^(*)	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	5.121.518.692	5.121.518.692
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	5.121.518.692	5.121.518.692
Giá trị hao mòn		
Số đầu năm	602.536.593	602.536.593
Tăng trong năm	118.955.405	118.955.405
- Khấu hao trong năm	118.955.405	118.955.405
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	721.491.998	721.491.998
Giá trị còn lại		
<i>Tại ngày đầu năm</i>	<i>4.518.982.099</i>	<i>4.518.982.099</i>
<i>Tại ngày cuối năm</i>	<i>4.400.026.694</i>	<i>4.400.026.694</i>

(*) Là Quyền sử dụng đất trạm kinh doanh xăng dầu số 6 Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số 274582 ngày 25 tháng 09 năm 2009 với thời hạn thuê 50 năm, diện tích 418 m² tại xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh và Quyền sử dụng đất trạm kinh doanh xăng dầu số 8 Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số 22255 ngày 10 tháng 09 năm 2013 với thời hạn thuê 50 năm, diện tích 932,3 m².

11. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất^(*)	Cơ sở hạ tầng	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	126.835.096.412	130.931.969.030	257.767.065.442
Tăng trong năm	-	3.458.520.870	3.458.520.870
- Đầu tư xây dựng	-	3.458.520.870	3.458.520.870
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	126.835.096.412	134.390.489.900	261.225.586.312
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	26.202.992.178	38.479.103.179	64.682.095.357
Tăng trong năm	3.002.016.252	6.833.919.931	9.835.936.183
- Khấu hao trong năm	3.002.016.252	6.833.919.931	9.835.936.183
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	29.205.008.430	45.313.023.110	74.518.031.540
Giá trị còn lại			
<i>Tại ngày đầu năm</i>	<i>100.632.104.234</i>	<i>92.452.865.851</i>	<i>193.084.970.085</i>
<i>Tại ngày cuối năm</i>	<i>97.630.087.982</i>	<i>89.077.466.790</i>	<i>186.707.554.772</i>

(*) Là Quyền sử dụng đất khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi (gồm chi phí thuê đất, chi phí đền bù giải tỏa, giải phóng mặt bằng... để hình thành khu công nghiệp).

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp Thương mại Củ Chi
 Địa chỉ: ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
 Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển tăng TSCĐ	Giảm khác	Cuối năm
Chi phí thành lập khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi giai đoạn 2 ^(*)	4.817.871.053	-	-	-	4.817.871.053
Khu nhà xưởng 4ha	3.217.938.670	376.282.581	(3.594.221.251)	-	-
Đền bù giải tỏa khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi ^(*)	2.827.619.900	-	-	-	2.827.619.900
Khu tái định cư tại khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi	2.096.104.247	-	-	-	2.096.104.247
Các hạng mục khác	761.469.184	926.050.059	(725.290.000)	(272.892.799)	689.336.444
	13.721.003.054	1.302.332.640	(4.319.511.251)	(272.892.799)	10.430.931.644

(*) Là chi phí thành lập khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi giai đoạn 2. Hiện nay Công ty đang triển khai thực hiện dự án.

13. Phải trả người bán

13a. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả người bán khác</i>	824.736.234	1.084.074.237
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô Thị	150.738.256	170.865.182
- Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Sài Gòn	173.052.000	193.270.000
- Xí nghiệp Dịch vụ Xây lắp và Thương mại Petrolimex	147.371.350	268.822.600
- Công ty TNHH Gas Petrolimex	147.417.600	181.695.360
- Người bán khác	206.157.028	269.421.095
	824.736.234	1.084.074.237

13b. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không phát sinh nợ quá hạn chưa thanh toán.

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
<i>Người mua trả tiền trước là bên liên quan</i>	-	-
<i>Người mua trả tiền trước khác</i>	1.474.423.630	732.692.524
- Công ty TNHH MTV KiDo	590.481.650	-
- DNTN Xăng dầu Tân Thạnh Đông	347.620.900	269.795.000
- DNTN Xăng dầu Mạnh Hùng	166.179.000	327.100.000
- DNTN Xăng dầu An Phát	165.469.700	-
- Người mua khác	204.672.380	135.797.524
	1.474.423.630	732.692.524

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Đầu năm</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Cuối năm</u>
Thuế Giá trị gia tăng	516.453.124	6.180.973.410	6.508.095.220	189.331.314
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.523.175.482	7.068.252.900	7.049.888.881	1.541.539.501
Thuế Thu nhập cá nhân	12.301.791	548.418.723	520.196.722	40.523.792
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.596.808.467	1.596.808.467	-
Các loại thuế khác	-	21.000.000	21.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	99.726.794	99.726.794	-
	2.051.930.397	15.515.180.294	15.795.716.084	1.771.394.607

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính



15a. Thuế Giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

15b. Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất:

- Công ty mẹ: 22%
- Công ty con: 20%

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được tạm tính như sau:

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các qui định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những qui định này thay đổi theo từng thời kỳ và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

Là chi phí trích trước tiền thuê đất.

17. Doanh thu chưa thực hiện

17.a. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Là tiền thuê đất khu công nghiệp nhận trước ngắn hạn.

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
<i>Doanh thu chưa thực hiện các bên liên quan</i>	-	-
<i>Doanh thu chưa thực hiện khác</i>	14.954.484.348	6.531.779.371
- Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu Nước giải khát Sài Gòn	4.000.706.573	2.000.353.286
- Công ty TNHH Hansae Việt Nam	2.623.541.219	1.311.770.610
- Công ty Cổ phần Cao su Sài Gòn Kymdan	1.147.372.232	573.686.116
- Công ty Cổ phần Sữa Quốc tế	725.003.208	362.501.604
- Công ty TNHH Khuôn chính xác Minh Đạt	620.186.652	310.093.326
- Các khách hàng khác	5.837.674.464	1.973.374.429
	<u>14.954.484.348</u>	<u>6.531.779.371</u>

17.b. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

Là tiền thuê đất khu công nghiệp nhận trước cho nhiều năm.

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
<i>Doanh thu chưa thực hiện các bên liên quan</i>	-	-
<i>Doanh thu chưa thực hiện khác</i>	362.646.997.552	365.066.777.574
- Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu Nước giải khát Sài Gòn	129.278.813.221	135.279.873.081
- Công ty TNHH Hansae Việt Nam	45.178.971.218	49.114.283.047
- Công ty Cổ phần Cao su Sài Gòn Kymdan	33.688.579.613	35.409.637.962
- Công ty Cổ phần Sữa Quốc tế	23.200.102.526	24.287.607.338
- Công ty TNHH Khuôn chính xác Minh Đạt	17.463.469.784	18.393.749.762
- Các khách hàng khác	113.837.061.190	102.581.626.384
	<u>362.646.997.552</u>	<u>365.066.777.574</u>

18. Phải trả khác

18a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
<i>Phải trả ngắn hạn khác các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả ngắn hạn các đối tượng khác</i>	1.560.829.184	2.905.722.041
- Công ty Cổ phần Sữa Quốc tế	688.469.022	-
- Các khoản phải trả khác	872.360.162	2.905.722.041
	<u>1.560.829.184</u>	<u>2.905.722.041</u>

18b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
<i>Phải trả dài hạn khác các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả dài hạn các đối tượng khác</i>	3.188.598.549	3.601.315.649
- Công ty TNHH Điện Hơi Công Nghiệp Tín Thành	1.493.626.932	1.493.626.932
- Lê Văn Đứng	584.396.524	584.396.524
- Các khoản phải trả khác	1.110.575.093	1.523.292.193
	<u>3.188.598.549</u>	<u>3.601.315.649</u>

18c. Phải trả khác quá hạn

Công ty không phát sinh phải trả khác quá hạn.

19. Vay và nợ thuê tài chính

19a. Vay ngắn hạn

Là khoản vay dài hạn đến hạn trả cho Quỹ Đầu tư và Phát triển Đô thị thành phố Hồ Chí Minh (nay là Công ty Đầu tư Tài chính nhà nước thành phố Hồ Chí Minh – HFIC) (xem thuyết minh 19b).

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Số đầu năm	1.960.000.000	1.960.000.000
- Kết chuyển từ vay dài hạn	912.179.000	1.960.000.000
- Số tiền vay đã trả	(1.960.000.000)	(1.960.000.000)
- Số cuối năm	<u>912.179.000</u>	<u>1.960.000.000</u>

19b. Vay dài hạn

Hợp đồng tín dụng số 10/2008/HĐTD-QĐT-TD ngày 24/01/2008 thời hạn vay 8 năm, mục đích để thực hiện dự án đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung. Đến cuối năm 2015, khoản vay dài hạn còn lại được chuyển sang trình bày ở mục vay ngắn hạn (xem 19a).

Khoản vay trên được cầm cố bằng 1.500.000 cổ phiếu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á, mệnh giá 10.000đ/CP.

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Số đầu năm	912.179.000	2.872.179.000
- Số tiền vay phát sinh	-	-
- Kết chuyển sang vay ngắn hạn	(912.179.000)	(1.960.000.000)
- Số cuối năm	<u>-</u>	<u>912.179.000</u>

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Đầu năm</u>	<u>Tăng từ lợi nhuận</u>	<u>Tăng khác</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	114.876.098	1.687.345.748	1.380.000	(1.617.365.400)	186.236.446
Quỹ phúc lợi	812.389.526	829.173.941	-	(1.117.894.000)	523.669.467
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	160.459.054	-	-	(74.100.000)	86.359.054
	<u>1.087.724.678</u>	<u>2.516.519.689</u>	<u>1.380.000</u>	<u>(2.809.359.400)</u>	<u>796.264.967</u>

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp Thương mại Củ Chi
 Địa chỉ: ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
 Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

21. Vốn chủ sở hữu

21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Thặng dư vốn cổ phần</u>	<u>Cổ phiếu quỹ</u>	<u>Quỹ Đầu tư phát triển</u>	<u>Quỹ dự phòng tài chính</u>	<u>Lợi nhuận chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm trước	133.986.200.000	42.505.274.000	(4.118.929.325)	8.993.294.550	8.285.207.783	14.910.747.888	204.561.794.896
Tăng trong năm trước	-	-	-	745.537.394	745.537.394	14.843.606.922	16.334.681.710
Giảm trong năm trước	-	-	-	-	-	(14.910.747.888)	(14.910.747.888)
Số dư cuối năm trước	133.986.200.000	42.505.274.000	(4.118.929.325)	9.738.831.944	9.030.745.177	14.843.606.922	205.985.728.718
Chuyển số dư theo Thông tư 200	-	-	-	9.030.745.177	(9.030.745.177)	-	-
Số dư đầu năm nay	133.986.200.000	42.505.274.000	(4.118.929.325)	18.769.577.121	-	14.843.606.922	205.985.728.718
Tăng trong năm	-	-	-	1.484.360.692	-	22.903.678.555	24.388.039.247
- Tăng từ lợi nhuận 2015	-	-	-	1.484.360.692	-	22.878.992.887	24.363.353.579
- Tăng khác	-	-	-	-	-	24.685.668	24.685.668
Giảm trong năm	-	(95.500.000)	-	-	-	(15.133.585.573)	(15.229.085.573)
Số dư cuối năm	<u>133.986.200.000</u>	<u>42.409.774.000</u>	<u>(4.118.929.325)</u>	<u>20.253.937.813</u>	<u>-</u>	<u>22.613.699.904</u>	<u>215.144.682.392</u>

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Cổ đông Nhà nước (*)	22,67%	30.375.000.000	30.375.000.000
Cổ đông khác	77,33%	103.611.200.000	103.611.200.000
	100,00%	133.986.200.000	133.986.200.000

(*)Cổ đông nhà nước là Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh (HFIC).

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	<u>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp</u>	<u>Vốn điều lệ đã góp</u>	<u>Vốn điều lệ còn phải góp</u>
Cổ đông Nhà nước	30.375.000.000	30.375.000.000	-
Cổ đông khác	103.611.200.000	103.611.200.000	-
	133.986.200.000	133.986.200.000	-

21c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	133.986.200.000	133.986.200.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	133.986.200.000	133.986.200.000

21d. Cổ phiếu

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.398.620	13.398.620
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.398.620	13.398.620
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.398.620</i>	<i>13.398.620</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	202.760	202.760
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>202.760</i>	<i>202.760</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.195.860	13.195.860
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.195.860</i>	<i>13.195.860</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

21e. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Tập đoàn đã phân phối lợi nhuận như sau:

- Quỹ khen thưởng	1.687.345.748
+ Từ lợi nhuận năm 2014 của Công ty mẹ	1.484.360.692
+ Từ lợi nhuận năm 2015 của Công ty con	202.985.056
- Quỹ phúc lợi	829.173.941
+ Từ lợi nhuận năm 2014 của Công ty mẹ	742.180.346
+ Từ lợi nhuận năm 2015 của Công ty con	86.993.595
- Quỹ đầu tư phát triển	1.484.360.692
- Chia cổ tức cho các cổ đông	11.132.705.192
	15.133.585.573

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Là nợ khó đòi đã xử lý.

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>	<u>Nguyên nhân</u>
Công ty TNHH Cơ khí Bến Thành	418.557.150	418.557.150	Không thể thu hồi
Ngô Thái Đức	7.352.000	7.352.000	Không thể thu hồi
	425.909.150	425.909.150	

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (VNĐ)

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu hàng hóa	338.170.781.479	441.855.462.194
- Doanh thu tài sản cho thuê	8.346.447.705	53.742.270.362
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	18.162.127.635	7.981.288.492
- Doanh thu hoạt động xây dựng	7.651.410.529	3.436.029.457
	372.330.767.348	507.015.050.505

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá vốn hàng hóa	316.458.864.575	431.048.475.288
- Giá vốn tài sản cho thuê	9.835.936.183	42.532.210.970
- Giá vốn hoạt động xây dựng	5.870.177.793	2.168.631.877
	332.164.978.551	475.749.318.135

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi	10.191.978.824	8.681.049.592
- Lãi bán hàng trả chậm	488.837.977	528.912.462
- Doanh thu tài chính khác	-	4.000.000
	10.680.816.801	9.213.962.054

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

4. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nhân viên bán hàng	6.854.336.706	6.147.527.162
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	404.859.131	330.958.948
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.305.163.770	2.983.408.947
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.460.812.254	2.469.960.931
- Chi phí bằng tiền khác	634.772.060	442.665.146
	<u>13.659.943.921</u>	<u>12.374.521.134</u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nhân viên quản lý	3.548.781.758	3.415.188.868
- Chi phí vật liệu quản lý	121.880.317	134.948.092
- Chi phí đồ dùng văn phòng	99.130.389	110.835.409
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	445.070.200	450.472.200
- Thuế, phí và lệ phí	25.544.000	31.265.000
- Dự phòng phải thu khó đòi	67.902.673	21.669.197
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.346.118.586	3.470.495.234
- Các chi phí khác	482.357.798	881.923.553
	<u>7.136.785.721</u>	<u>8.516.797.553</u>

6. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Thu tiền thưởng, hỗ trợ, khuyến mãi	219.655.400	192.594.426
- Thu nhập khác	35.040.236	8.567.930
	<u>254.695.636</u>	<u>201.162.356</u>

7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí thuế truy thu, chậm nộp	228.954.153	-
- Chi phí khác	15.491.600	18.363.097
	<u>244.445.753</u>	<u>18.363.097</u>

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	29.923.246.834	19.405.227.725
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	903.137.307	421.839.000
+ <i>Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát</i>	415.000.000	396.000.000
+ <i>Chi phí thuế truy thu, chậm nộp</i>	228.954.153	-
+ <i>Chi phí không phục vụ sản xuất kinh doanh</i>	259.183.154	25.839.000
- Các khoản điều chỉnh giảm	1.739.376	-
+ <i>Lãi đầu tư vào liên kết</i>	1.739.376	-
Thu nhập tính thuế với thuế suất 20%	1.758.493.092	1.355.339.585
Thu nhập tính thuế với thuế suất 22%	29.066.151.673	18.471.727.140
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2015	6.746.251.987	4.334.847.887
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp truy thu	322.000.913	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	7.068.252.900	4.334.847.887

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	22.878.992.887	15.070.379.838
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- <i>Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi với giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu</i>	-	-
- <i>Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- <i>Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu với giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- <i>Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của cổ phiếu phổ thông hoặc các khoản thanh toán khác thực hiện theo điều kiện chuyển đổi có lợi</i>	-	-
- <i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi^(*)</i>	(3.688.869.409)	(2.453.313.953)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	19.190.123.478	12.617.065.885
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	13.195.860	13.195.860
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	1.454	956

87
G
EM
IV
N
H

(* Công ty tạm ước tính Quỹ khen thưởng, phúc lợi cần trích từ lợi nhuận sau thuế của năm 2015 theo tỷ lệ (15%) của Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 số 03/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 4 năm 2015. Quỹ khen thưởng, phúc lợi này sẽ được điều chỉnh lại theo Nghị Quyết của Đại hội cổ đông.

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	13.195.860	13.195.860
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại trong năm	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	13.195.860	13.195.860

10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Không phát sinh các yếu tố tác động suy giảm.

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.665.664.118	1.322.638.658
- Chi phí nhân công	12.070.600.464	10.358.721.030
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.608.119.969	13.093.495.572
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.730.601.202	6.260.936.763
- Chi phí khác	1.560.759.320	1.445.546.035
	37.635.745.073	32.481.338.058

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (VNĐ)

Tiền trả nợ gốc vay

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	1.960.000.000	1.960.000.000
Tiền trả nợ gốc trái phiếu thường	-	-
Tiền trả nợ gốc trái phiếu chuyển đổi	-	-
Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác	-	-
Cộng	1.960.000.000	1.960.000.000

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan:

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Tiền lương	2.261.527.000	2.301.143.500
- Tiền thưởng	201.202.400	169.178.300
	2.462.729.400	2.470.321.800

(* Các thành viên chủ chốt là các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Hóc Môn	Công ty liên kết (góp 20,06% vốn)
Ngân hàng TMCP Việt Á	Ông Phan Văn Tới là thành viên Hội đồng quản trị tại ngân hàng

Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan:

Tên khách hàng	Giao dịch	Năm nay	Năm trước
Ngân hàng TMCP Việt Á	Tiền gửi phát sinh trong năm	932.512.000.000	1.365.960.000.000
	Tiền gửi thu hồi trong năm	916.862.000.000	1.290.290.000.000
	Tiền lãi phát sinh	9.476.231.287	7.382.604.157

1c. Số dư cuối năm với các bên liên quan

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Việt Á		
- Tiền gửi ngân hàng tại ngân hàng TMCP Việt Á	177.325.250.668	165.135.475.778
- Lãi dự thu ngân hàng tại ngân hàng TMCP Việt Á	454.090.278	514.874.167
	<u>177.779.340.946</u>	<u>165.650.349.945</u>

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp Thương mại Củ Chi
 Địa chỉ: ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
 Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

2. Báo cáo theo bộ phận

2a. Theo lĩnh vực kinh doanh

	<u>Hoạt động thương mại</u>	<u>Hoạt động bất động sản</u>	<u>Hoạt động xây dựng</u>	<u>Hoạt động khác</u>	<u>Tổng</u>
Năm nay					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	338.170.781.479	18.162.127.635	2.353.190.466	13.644.667.768	372.330.767.348
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-
Giá vốn hàng bán	316.458.864.575	9.857.885.999	2.623.981.952	3.224.246.025	332.164.978.551
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>21.711.916.904</u>	<u>8.304.241.636</u>	<u>(270.791.486)</u>	<u>10.420.421.743</u>	<u>40.165.788.797</u>
Năm trước					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	441.855.462.194	53.742.270.362	3.436.029.457	7.981.288.492	507.015.050.505
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-
Giá vốn hàng bán	423.400.540.275	42.532.210.970	2.168.631.877	7.647.935.013	475.749.318.135
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>18.454.921.919</u>	<u>11.210.059.392</u>	<u>1.267.397.580</u>	<u>333.353.479</u>	<u>31.265.732.370</u>

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính



2b. Theo khu vực địa lý

Trong năm, hoạt động của Công ty toàn bộ thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Tài sản đảm bảo

Công ty cầm cố bằng 1.500.000 cổ phiếu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á, mệnh giá 10.000đ/CP để vay dài hạn đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung theo Hợp đồng tín dụng số 10/2008/HĐTD-QĐT-TD ngày 24/01/2008 thời hạn vay 8 năm.

Ngoài ra, Công ty không còn tài sản đảm bảo nào khác.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 03/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 4 năm 2015 thì Công ty sẽ phát hành thêm 6.597.930 cổ phiếu, giá phát hành dự kiến là 10.000 đồng/cổ phiếu. Theo Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng gửi Ủy ban chứng khoán Nhà nước số 03/BC-CTY ngày 28/01/2016 và Thông báo số 642/UBCK-QLCB ngày 03/02/2016 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, đến hết ngày 28/01/2016, các cổ đông hiện hữu đăng ký mua và đã nộp số tiền là 43.452.450.000 đồng (tương ứng với 4.345.245 cổ phiếu). Chênh lệch còn lại là 2.252.685 cổ phiếu không chào bán được theo phương án phát hành.

5. Khả năng hoạt động liên tục

Không có những yếu tố nào đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty.

IX. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT THỰC TRẠNG TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA CÔNG TY

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
1. Bố trí cơ cấu tài sản và nguồn vốn			
1.1. Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	35,93	32,60
- Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	64,07	67,40
1.2. Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	64,36	65,24
- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	35,64	34,76
2. Khả năng thanh toán			
2.1. Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	9,58	11,33
2.2. Khả năng thanh toán nhanh	Lần	9,38	11,00
2.3. Khả năng thanh toán tức thời	Lần	8,24	4,64
3. Tỷ suất sinh lời			
- Tỷ suất lợi nhuận gộp trên doanh thu thuần	%	10,79	6,17
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	6,14	2,97
- Doanh thu thuần trên tổng tài sản	%	62,25	87,42
- Tỷ suất sinh lời trên tài sản	%	3,83	2,60
- Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu	%	10,87	7,34
4. Hệ số đo lường hiệu quả hoạt động			
- Vòng quay tài sản	Vòng	0,62	0,87
- Vòng quay các khoản phải thu	Vòng	26,26	35,64
- Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	73,27	31,30
- Vòng quay vốn lưu động	Vòng	2,01	3,30

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2016.

Người lập biểu

Kế toán trưởng





PHẠM TRÀ MỸ HẠNH

HỒ THỊ PHƯƠNG

PHAN VĂN TỚI

Số: ...¹⁹... /CV-CIDICO

"V/v: Giải trình

Củ Chi, ngày 14 tháng 03 năm 2016

Báo cáo kiểm toán năm 2015

Kính gửi : **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp Thương mại Củ Chi chân thành cảm ơn Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM đã quan tâm và hỗ trợ nhiệt tình Công ty chúng tôi trong việc đăng ký niêm yết cổ phiếu của Công ty chúng tôi thời gian vừa qua.

Theo quy định tại điểm b, khoản 1, điều 8, chương 2 của Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính thì: *"Trường hợp kiểm toán không chấp nhận toàn phần báo cáo tài chính, công ty đại chúng phải công bố báo cáo tài chính năm, báo cáo kiểm toán kèm theo văn bản giải trình của công ty"*. Nay Công ty giải trình như sau:

Ý kiến của kiểm toán viên về đoạn *"Vấn đề khác"* trên báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015:

"Số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chỉ phản ánh tình hình tài chính hoạt động kinh doanh của Tập đoàn không bao gồm kết quả hoạt động của duy tu và sửa chữa khu Công nghiệp. Hoạt động duy tu và sửa chữa khu Công nghiệp được trình bày trong một báo cáo tài chính riêng căn cứ theo quyết định số 43/2008/QĐ-BTC ngày 25 tháng 06 năm 2008 của Bộ Tài chính."

Căn cứ Điều 4 và Điều 9 của quyết định số 43/2008/QĐ-BTC ngày 25 tháng 06 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc *"ban hành Quy chế thu và sử dụng phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng các khu Công nghiệp và khu Chế xuất Thành phố Hồ Chí Minh"* thì báo cáo được lập cho hoạt động này được trình bày ở một báo cáo riêng. Và kiểm toán viên đã lưu ý vấn đề này cho người đọc trong báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 của Tập đoàn đã được kiểm toán.

Trên đây là giải trình của Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp Thương mại Củ Chi về báo cáo soát xét cho báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 của Tập đoàn. Rất mong nhận được sự xem xét và chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM.

Xin cảm ơn và trân trọng kính chào./.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI CỬ CHI**



PHAN VĂN TỚI

Phần xác nhận của

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES):

Chúng tôi xác nhận việc giải trình của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp Thương mại Củ Chi về vấn đề nêu trên là hoàn toàn phù hợp với số liệu báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 của Tập đoàn đã được chúng tôi kiểm toán.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2016

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THỊ NGỌC ANH

Nơi nhận :

- Như trên
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp Thương mại Củ Chi.



Số: 2086A/16/CV/AUD-VVALUES

"V/v: Thông báo Báo cáo kiểm toán năm 2015".

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2016

Kính gửi : ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 tại Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp Thương mại Củ Chi. Theo Báo cáo kiểm toán số 2099/16/BCKT/AUD-VVALUES ngày 14 tháng 03 năm 2016 thì ý kiến kiểm toán viên có đoạn nhấn mạnh và theo quy định tại điểm b, khoản 1, điều 8, chương 2 của Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính thì: "*Trường hợp kiểm toán không chấp nhận toàn phần báo cáo tài chính, công ty đại chúng phải công bố báo cáo tài chính năm, báo cáo kiểm toán kèm theo văn bản giải trình của công ty*". Nay Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt thông báo như sau:

Kiểm toán viên có đoạn "Vấn đề khác" trên báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 như sau:

"Số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chỉ phản ánh tình hình tài chính hoạt động kinh doanh của Tập đoàn không bao gồm kết quả hoạt động của duy tu và sửa chữa khu Công nghiệp. Hoạt động duy tu và sửa chữa khu Công nghiệp được trình bày trong một báo cáo tài chính riêng căn cứ theo quyết định số 43/2008/QĐ-BTC ngày 25 tháng 06 năm 2008 của Bộ Tài chính."

Căn cứ Điều 4 và Điều 9 của quyết định số 43/2008/QĐ-BTC ngày 25 tháng 06 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc "*ban hành Quy chế thu và sử dụng phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng các khu Công nghiệp và khu Chế xuất Thành phố Hồ Chí Minh*" thì báo cáo được lập cho hoạt động này được trình bày ở một báo cáo riêng. Và kiểm toán viên đã lưu ý vấn đề này cho người đọc trong báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 đã được kiểm toán.

Trên đây là thông báo của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt về báo cáo kiểm toán cho báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp Thương mại Củ Chi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Xin cảm ơn và trân trọng kính chào./.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
CHUẨN VIỆT

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
CHUẨN VIỆT
QUẬN 5, TP. HỒ CHÍ MINH
NGUYỄN THỊ NGỌC ANH

Nơi nhận :

- Như trên
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt